TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 25/02/2019
V/v "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Tuấn Anh và Ông Nguyễn Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Viết Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2018/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mẫn Thị T, sinh năm 1968 (có mặt).

Trú tại: Mẫn Xá, Văn Môn, Yên Phong, Bắc Ninh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Hiện đang cải tạo tại: Đội 1, phân trại 2, trại giam Ngọc Lý, Đồng Vương, Yên Thế, Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Phạm Tiến Quyền, sinh năm 1981; Trú tại: Số 62 Nguyễn Gia Thiều, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1962 (có mặt).

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bà Mẫn Thị B, sinh năm 1964 (có mặt).

Trú tại: Thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

3. Ông Mẫn Hữu D, sinh năm 1971.

Trú tại: Thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người được ông D ủy quyền: Bà Mẫn Thị B

4. Bà Đặng Thị L2, sinh năm 1966.

Trú tại: Trú tại: Thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người được bà L2 ủy quyền: Bà Mẫn Thị B

5. Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1988.

Trú tại: Trú tại: Thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người được chị Lan A ủy quyền: Bà Mẫn Thị T

6. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

Trú tại: Trú tại: Thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người được chị Huệ ủy quyền: Bà Mẫn Thị T

7. Anh Nguyễn Quốc N, sinh năm 1992.

Trú tại: Trú tại: Thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

8. Anh Mẫn Ngọc A, sinh năm 1971.

Quê quán: Trú tại: Thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang làm việc tại: Công ty H, phường T, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là bà Mẫn Thị T trình bày: Bà chung sống với ông L ngày 12/9/1985 (âm lịch), có được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn vì lý do ông L chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Cưới xong bà về nhà chồng làm ăn ngay, vợ chồng ở chung với bố mẹ chồng được 1 năm thì vợ chồng ra ở riêng tại nhà, đất của bố chồng cho vợ chồng tại Mẫn Xá, Văn Môn.

Quá trình chung sống vợ chồng không được hòa thuận, nguyên nhân là do ông L chơi bời cờ bạc, trai gái, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Năm 1995 ông L bị bắt về tội tàng trữ, sử dụng vũ khí trái phép và bị xử phạt 8 năm tù, ông L đi cải tạo tại trại Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2000 thì ra trại. Ông L có hứa sẽ làm ăn tử tế, nhưng cũng chỉ được vài năm. Năm 2006 ông L mở quán cà phê và ép bà đứng ra làm, mở quán được 1 tháng thì bà bị bắt về tội chứa mại dâm, bị xử phạt 1 năm tù và phải đi cải tạo tại trại giam Ngọc Lý. Khi bà đi cải tạo ông L không có trách nhiệm với gia đình, không nuôi con mà để các con tự nuôi nhau, còn ông L có quan hệ ngoại tình với cô Cao Thị Thủy, sinh năm 1981 ở Đông Anh, Hà Nội. Năm 2009 bà ra trại, ông L bỏ nhà đi chung sống với cô Thủy. Năm 2011 ông L về đánh đập, chửi bới, đuổi bà ra khỏi nhà để đón cô Thủy về, bà phải về nhà đẻ ở nhờ, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011. Năm 2013 ông L phạm tội mua bán trái phép chất ma túy bị xử phạt 15 năm tù. Hiện ông L đang đi cải tạo tại trại giam Ngọc Lý cơ sở 2 ở: Đội 1, phân trại 2, xã Đồng Vương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Bà xác định không thể chung sống với ông L được vì không còn tình cảm, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Vợ chồng có 4 con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1988; Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; Nguyễn Quốc N, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Thanh Bình, sinh ngày 01/6/2005. Hiện 3 con đã trưởng thành, không đề cập nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà xin nuôi cháu Bình, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản riêng: Không có.

- Tài sản chung: Năm 2002 vợ chồng xây được 01 ngôi nhà cấp 4 khung sắt, lợp mái tôn diện tích khoảng 50m^2; 01 gian bếp xây gạch, lợp prôximăng; 01 gian nhà tắm + nhà vệ sinh khép kín trên thửa đất số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, xã V, huyện Y. Nguồn gốc đất là do vợ chồng bà mua của ông Nguyễn Văn Hinh ở thôn Quan Đình, xã Văn Môn từ năm 2002, đất đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng bà, sổ đỏ ông L giữ.

Năm 2013 và năm 2014 con gái bà là Nguyễn Thị Lan A có làm 02 lán xưởng khung tre, lợp prôximăng tổng diện tích khoảng 35m^2 để đúc nhôm.

Tài sản trong nhà có: 01 tủ chùa 3 buồng gỗ gụ; 01 lioa 7,5kg; 01 bình nóng lạnh; 01 téc nước inox 2000 lít; 01 khuôn tranh (phản) gỗ xoan; 02 gường đôi gỗ ghiến; 01 bếp ga đôi. Ngoài ra không còn gì.

Tháng 10/2015 ông L đã bán nhà đất của vợ chồng cho ông Mẫn Ngọc A, sinh năm 1971 quê ở: Y là Chủ tịch tập đoàn H với giá 2,2 tỷ đồng.

Ngày 06/11/2015 cháu Ngữ và họ hàng nhà chồng bà khoảng 35 người đã tổ chức phá nhà của vợ chồng bà gồm: 01 ngôi nhà cấp 4; 01 gian bếp; 01 gian nhà tắm + nhà vệ sinh và 02 lán của chị Lan A để bàn giao đất cho ông Mẫn Ngọc A.

Toàn bộ tài sản của vợ chồng gồm: 01 tủ chùa; 01 lioa; 01 bình nóng lạnh; 01 téc nước inox; 01 khuôn tranh; 02 gường đôi và 01 bếp ga hiện con trai bà là anh Nguyễn Quốc N đang sử dụng.

Nay ly hôn bà yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, xã V, huyện Y giữa ông L với ông Mẫn Ngọc A.

Về tài sản chung: Hiện còn thửa đất số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, xã V, huyện Y bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, bà yêu cầu chia đôi thửa đất.

Đối với ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ trên đất đã bị phá hiện không còn nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn 1 số đồ dùng sinh hoạt hiện anh N đang sử dụng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về đất nông nghiệp: Gia đình bà được chia ruộng từ năm 1992, vợ chồng bà và 3 con lớn đều được chia ruộng. Bà và ông L mỗi người được 01 định suất là 240m^2. Ba con là Lan A, H và N mỗi người được 0,5 định suất là 120m^2. Tổng cộng là 876m^2, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông L. Hiện nay bà đang quản lý toàn bộ số ruộng trên.

Nay ly hôn về đất nông nghiệp bà yêu cầu chia theo định suất của mỗi người.

- Về công nợ: Hiện vợ chồng còn nợ bà Nguyễn Thị L1 08 chỉ vàng 9999 và 2.000.000đ; nợ bà Nguyễn Thị L1ợi 75.000.000đ; nợ bà Mẫn Thị B 20.000.000đ; nợ ông Mẫn Hữu D 13.000.000đ.

Nay ly hôn bà đề nghị hai vợ chồng mỗi người phải trả ½ số nợ.

Phía bị đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông xác nhận một phần lời khai của bà T về điều kiện, hoàn cảnh chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận

đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tình cảm, bà T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Ngày 19/6/2013 ông đi chấp hành hình phạt tù về tội buôn bán trái phép chất ma túy, hiện nay ông đang cải tạo tại trại giam Ngọc Lý, phân trại 2. Bà T xin ly hôn ông cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung như bà T đã trình bày. Hiện nay 3 con đã trưởng thành, không đề cập nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông xin nuôi cháu Bình, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

Thửa số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 và tài sản trên đất tại thôn Q, xã V, huyện Y là tài sản riêng của ông. Tháng 10/2015 ông chuyển nhượng thửa đất số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, xã V, huyện Y cho ông Mẫn Ngọc A là chủ tịch tập đoàn H với giá 2,2 tỷ đồng. Việc ký hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện tại Trại giam Ngọc Lý, ông là người ký hợp đồng chuyển nhượng, không ủy quyền cho ai, ông nhận tiền và giao lại cho con trai là Nguyễn Quốc N quản lý. Bà T yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, xã V, huyện Y giữa ông với ông Mẫn Ngọc A thì ông không đồng ý vì đây là tài sản của riêng của ông nên ông có quyền tự định đoạt.

- Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng. Bà T trình bày có nợ một số người là không đúng.

- Về ruộng canh tác: Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Nguyễn Thị Lan A trình bày: Chị là con gái lớn của bà T, ông L. Việc bố mẹ chị ly hôn chị không có ý kiến gì.

Tài sản chung của bố mẹ chị gồm có 01 thửa đất số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại Q, V, Y. Nguồn gốc là do bố mẹ chị mua của ông Nguyễn Văn Hinh, sinh năm 1949 từ năm 2001. Năm 2002 bố mẹ chị xây 01 ngôi nhà cấp 4 trên đất. Khi đó chị còn nhỏ nên không đóng góp công sức, tiền bạc gì vào khối tài sản chung của bố mẹ. Năm 2013 chị làm 01 lán xưởng khung gỗ, lợp prôximăng diện tích khoảng 8 đến 10m^2 trên đất của bố mẹ để đúc nhôm. Năm 2014 chị làm tiếp 01 lán xưởng khung tre,

lợp prôximăng diện tích khoảng 25m^2 trên đất của bố mẹ để đúc nhôm. Chị làm 02 lán xưởng hết khoảng 40.000.000đ. Cuối năm 2014 mẹ chị đi làm ăn không có nhà, bố chị đi cải tạo ở trại Ngọc Lý. Chị có sửa lại mái tôn, đóng tiền làm đường hết 2.000.000đ, làm lại cổng, thay cửa nhà của bố mẹ, tổng trị giá 13.000.000đ. Ngày 06/11/2015 họ hàng bên nội đã phá toàn bộ nhà của bố mẹ chị và 02 lán đúc nhôm của chị. Nay nhà đã bị phá nên chị không yêu cầu bố mẹ chị phải trả cho chị số tiền sửa nhà là 13.000.000đ. Chị không yêu cầu bồi thường số tiền chị đã bỏ ra làm lán xưởng, chị sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác.

Năm 2003 bố mẹ chị có vay Ngân hàng Nông nghiệp huyện Y số tiền 10.000.000đ để trả tiền mua đất. Do bố mẹ chị không trả được nợ cho Ngân hàng nên chị phải trả gốc và lãi cho Ngân hàng đến ngày 17/11/2014 mới hết nợ. Tổng số tiền chị phải trả cả gốc và lãi cho Ngân hàng là 13.416.737đ, tương đương với 15,78% giá trị thửa đất tại thời điểm bố mẹ chị mua là 78.000.000đ. Nay bố mẹ chị ly hôn, chị xác định chị có đóng góp tiền để bố mẹ chị mua đất. Chị yêu cầu Tòa án chia cho chị giá trị thửa đất là 15,78%.

Về ruộng nông nghiệp: Chị được HTX chia cho 0,5 định suất = 120m^2, hiện mẹ chị vẫn đang quản lý, chị không biết ruộng của chị ở xứ đồng nào, tất cả gia đình đều sử dụng chung. Nay chị yêu cầu chia trả cho chị 0,5 định suất ruộng = 120m^2.

Chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị là con thứ 2 của bà T, ông L. Việc bố mẹ chị ly hôn chị không có ý kiến gì. Tài sản chung của bố mẹ chị, chị không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của bố mẹ nên chị không có yêu cầu gì.

Về ruộng nông nghiệp: Chị được HTX chia cho 0,5 định suất = 120m^2, hiện mẹ chị vẫn đang quản lý, chị không biết ruộng của chị ở xứ đồng nào, tất cả gia đình đều sử dụng chung. Nay chị yêu cầu chia trả cho chị 0,5 định suất ruộng = 120m^2.

Anh Nguyễn Quốc N ủy quyền cho ông Phạm Tiến Quyền trình bày: Anh là con thứ 3 bà T, ông L. Việc bố mẹ anh ly hôn anh không có ý kiến gì.

Tài sản chung của bà T, ông L không có. Anh N cũng không có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của bố mẹ.

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, V, Y giữa ông L với ông Mẫn Ngọc A như thế nào, giá chuyển

nhượng như thế nào anh N cũng không biết. Anh N cũng không cầm tiền chuyển nhượng thửa đất trên. Anh N không được ông L ủy quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, V, Y cho ông Mẫn Ngọc A. Nay bà T yêu cầu hủy hợp đồng nhượng quyền sử dụng đất thửa số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, V, Y giữa ông L với ông Mẫn Ngọc A thì anh N không có ý kiến gì. Bà T yêu cầu chia thửa đất 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, V, Y thì thửa đất trên hiện nay không còn tồn tại trên thực tế, anh N không biết thửa đất trên nằm ở vị trí nào, tài sản trên đất hiện nay không có, anh N đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về đất canh tác nông nghiệp: Anh N có được chia đất nông nghiệp, chia bao nhiêu m^2, ở xứ đồng nào anh N cũng không biết, hiện anh N không được sử dụng thửa ruộng nào. Nay bà T yêu cầu chia đất nông nghiệp thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về công nợ: Bố mẹ anh nợ ai, bao nhiêu tiền thì anh N đều không biết, anh N không có ý kiến gì về các khoản nợ này, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ông Mẫn Ngọc A trình bày: Ông không liên quan đến vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa bà T và ông L. Nếu Tòa án cần xác minh về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, V, Y thì có thể đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y và các cơ quan có liên quan cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan.

Bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Giữa bà với vợ chồng T, L là quan hệ xã hội. Ngày 12/02/2006 bà có cho vợ chồng T, L vay 8 chỉ vàng 9999 (gồm chiếc nhẫn 3 chỉ và dây chuyền 5 chỉ) và 2.000.000đ tiền mặt, thời hạn vay từ 1 đến 2 tháng, vay không lãi. Khi vay có viết giấy biên nhận, cả hai vợ chồng T, L cùng ký.

Đến hạn trả nợ vợ chồng T, L không trả. Bà T thì nói đang làm ăn ở Miền Nam nên chưa có tiền trả, ông L lúc chưa đi cải tạo thì nói bán nhà sẽ trả bà, cho đến nay vợ chồng T, L vẫn chưa trả cho bà đồng nào. Nay bà yêu cầu vợ chồng T, L phải trả bà 8 chỉ vàng và 2.000.000đ tiền mặt. Bà không yêu cầu lãi suất. Đây là tiền của riêng bà vì chồng bà đã chết từ lâu.

Bà Mẫn Thị B trình bày: Bà là chị gái bà T. Năm 2006 bà có cho vợ chồng T, L vay 20.000.000đ để làm ăn. Bà đưa tiền cho cả hai vợ chồng, vì là chị em ruột nên không viết giấy tờ gì, vay không có thời hạn, không lãi suất. Việc bà cho vay tiền, các con của T, L đều biết. Năm 2007-2008 bà làm nhà, bà đòi nhưng vợ chồng T, L đều không trả mà chỉ khất và nói chưa có. Cho đến nay vợ chồng Thiện Lừng vẫn chưa trả bà đồng nào. Nay bà yêu cầu vợ chồng T, L phải trả cho bà số tiền 20.000.000đ, bà không yêu cầu lãi suất. Đây là tiền vốn riêng của bà, không liên quan gì đến chồng bà.

Ông Mẫn Hữu D trình bày: Ông là em trai của bà T. Năm 2005 ông có cho vợ chồng T, L vay số tiền 13.000.000đ để mua bàn ghế, tủ. Ông đưa tiền cho bà T, vì là chị em ruột nên không viết giấy tờ gì, vay không có thời hạn, không lãi suất. Việc ông cho vay tiền, các con của T, L đều biết. Sau đó ông đòi cả hai vợ chồng, nhưng vợ chồng T, L đều không trả mà chỉ khất và nói chưa có. Cho đến nay vợ chồng T, L vẫn chưa trả cho ông được đồng nào. Nay ông yêu cầu vợ chồng T, L phải trả cho ông số tiền 13.000.000đ, ông không yêu cầu lãi suất. Đây là tiền riêng của ông vì vợ chồng ông đã ly hôn lâu rồi.

Bà Đặng Thị L2 trình bày: Tháng 6/2005 bà có cho vợ chồng T, L vay 50.000.000đ. Tháng 7/2006 bà lại cho vợ chồng T, L vay 25.000.000đ, tổng cộng là 75.000.000đ để làm ăn. Vì là chị em nên không viết giấy tờ gì, vay không có thời hạn, bà chỉ cho vay nóng, không lãi suất. Việc bà cho vay tiền, các con của T, L đều biết. Sau đó bà đòi nhưng vợ chồng T, L đều không trả mà chỉ khất và nói chưa có. Cho đến nay vợ chồng Thiện Lừng vẫn chưa trả bà đồng nào. Nay bà yêu cầu vợ chồng T, L phải trả cho bà số tiền 75.000.000đ, bà không yêu cầu lãi suất. Đây là tiền vốn riêng của bà, không liên quan gì đến chồng bà.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 59, 62 và khoản 1, Điều 131 Luật hôn nhân gia đình; Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Căn cứ điều 235, 264, 266, 147, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ pháp lệnh số: 10/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Mẫn Thị T và ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thị Thanh Bình, sinh ngày 01/6/2005. Việc cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Xác định thửa đất số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh là tài sản chung của bà Mẫn Thị T, ông Nguyễn Văn L.

Giao cho bà T được được quyền sử dụng thửa đất số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 phía Bắc giáp đường liên xã; phía Nam giáp đất ông Mẫn Ngọc A; phía Đông giáp đất chị Mẫn Thị Lý; phía Tây giáp đất ông Mẫn Ngọc A tại thôn Q, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, giá trị tài sản là 1.530.000.000đ. Bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị L1 08 chỉ vàng 9999 tương đương 27.160.000đ và 2.000.000đ, tổng là 29.160.000đ; trả nợ cho chị Lan A số tiền 13.417.000đ. Bà T phải có nghĩa vụ trích trả chênh lệch tài sản cho ông L số tiền 743.712.000đ. Bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Mẫn Thị B 20.000.000đ, bà Đặng Thị L2 75.000.000đ, ông Mẫn Hữu D 13.000.000đ.

4. Về đất nông nghiệp: Giao cho chị Nguyễn Thị Lan A, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Quốc N mỗi người được sử dụng 120m^2 đất nông nghiệp tại thửa đất số 42, tờ bản đồ 7, diện tích 360m^2 ở xứ Đồng Năng, thôn Mẫn Xá, xã Văn Môn, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Giao cho bà Mẫn Thị T, ông Nguyễn Văn L mỗi người được sử dụng 258m^2 đất nông nghiệp tại thửa đất số 14, tờ bản đồ 6, diện tích 432m^2 tại xứ Đồng Hàn và thửa số 198, tờ bản đồ 3, diện tích 84m^2 tại xứ Đồng Sổ, thôn Mẫn Xá, xã Văn Môn, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 12/11/2018 ông Nguyễn Văn L là bị đơn trong vụ án kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm trên (qua đường công văn).

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Quyển là người đại diện theo ủy quyền của ông L trình bày: Thửa đất này là tài sản riêng của ông L, mặc dù hiện nay ông L đang đi cải tạo nhưng việc thờ cúng, thăm nuôi và mọi công việc khác trong gia đình ông đều giao

cho anh N đứng ra thay mặt ông lo toan nên nhu cầu tiếp tục được sử dụng thửa đất này của ông L là chính đáng. Đồng thời, ông L sau khi chấp hành án xong cũng cần có nơi để ở.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, bà T trình bày: Vợ chồng bà chỉ có duy nhất nhà đất này là nơi để ở và hiện nay cháu Ngữ đang sinh sống. Bà cũng rất thương xót các con nhưng do hoàn cảnh xô đẩy khiến gia đình bà và ông L phải ly hôn. Bà đề nghị cấp phúc thẩm y án sơ thẩm xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo đúng trình tự pháp luật quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông L, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát Viên tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy:

**Về tố tụng*: Bị đơn là ông Nguyễn Văn L có kháng cáo, nhưng hiện nay ông L đang cải tạo tại trại giam Ngọc Lý, Yên Thế, Bắc Giang. Ông L ủy quyền cho chị gái là bà Nguyễn Thị Bé tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Bà Bé ủy quyền lại cho ông Phạm Tiến Quyền tham gia tố tụng. Việc ủy quyền của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

** Về nội dung:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Mẫn Thị T và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau từ ngày 12/9/1985 (âm lịch), được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống từ tháng 9/1985 âm lịch đến nay ông bà vẫn chưa đi đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a, khoản 3, Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000

quy định: *" Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn, trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về Luật hôn nhân và gia đình năm 2000"*. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L được coi là hôn nhân thực tế.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Phía bà T cho rằng ông L chơi bời cờ bạc, trai gái, khi về còn chửi bới, đánh đập bà, đuổi bà về nhà đẻ. Ngoài ra ông L nhiều lần phải đi cải tạo, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông L. Phía ông L cho rằng vợ chồng không hợp nhau, không có tình cảm, bà T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Cả hai đương sự đều trình bày vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Bà T xin ly hôn, ông L cũng đồng ý. Tòa án sơ thẩm đã công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự là phù hợp pháp luật.

- Về con chung: Ông bà có 04 con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1988; Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; Nguyễn Quốc N, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Thanh Bình, sinh ngày 01/6/2005. Hiện 3 con đã trưởng thành, không đề cập nuôi dưỡng. Khi ly hôn cả ông Thiện và ông L đều xin nuôi cháu Bình. Xét thấy hiện nay ông L đang đi cải tạo, do vậy không có điều kiện nuôi con. Cháu Bình hiện đang sống cùng bà T, cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, để đảm bảo mọi quyền lợi cho con. Tòa án sơ thẩm quyết định giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thị Thanh Bình là có căn cứ.

- *Về tài sản chung*: Ông L cho rằng thửa số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 và tài sản trên đất tại thôn Q, xã V, huyện Y là tài sản riêng của ông. Tháng 10/2015 ông đã chuyển nhượng cho ông Mẫn Ngọc A là chủ tịch tập đoàn H với giá 2,2 tỷ đồng. Việc ký hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện tại Trại giam Ngọc Lý, ông là người ký hợp đồng chuyển nhượng, không ủy quyền cho ai, ông nhận tiền và giao lại cho con trai là Nguyễn Quốc N quản lý, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thửa đất trên có nguồn gốc là do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Hinh. Năm 2002, UBND huyện Y đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, các đương sự không ai cung cấp được hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên giữa ông Nguyễn Văn L và ông Mẫn Ngọc A. Ông Mẫn Ngọc A cũng có văn bản trả lời Tòa án cấp sơ thẩm rằng ông không liên quan gì đến việc ly hôn của bà T và ông L. Nếu Tòa án cần xác minh về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, V, Y thì có thể đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y và các cơ quan có liên quan cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan, ông không trình bày về việc chuyển nhượng cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến thửa đất trên.

Tòa án sơ thẩm đã yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y cung cấp hồ sơ về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, xã V, huyện Y. Tại công văn số: 08, ngày 15/5/2018 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y trả lời không có thông tin về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Phòng Tài nguyên-Môi trường huyện Y. Đồng thời UBND xã V cũng có văn bản trả lời việc không nắm được có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở trên giữa các đương sự. Ngoài ra, sau khi án sơ thẩm xử xong các bên đương sự cũng không kháng cáo về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất trên nên tuy rằng trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm anh Mẫn Ngọc A có cung cấp cho Tòa án toàn bộ hồ sơ chuyển nhượng số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, xã V, huyện Y giữa anh và ông Nguyễn Văn L nhưng cấp phúc thẩm không thể giải quyết tranh chấp trên trong vụ kiện này theo trình tự phúc thẩm vì không đảm bảo việc hai cấp xét xử. Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất trên của các đương sự nếu có căn cứ các đương sự sẽ khởi kiện và Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Do vậy, cấp sơ thẩm đã xác định thửa đất số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, xã V, huyện Y đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L ngày 12/8/2002 là tài sản chung của bà T, ông L là có căn cứ. Các con không có công sức vào khối tài sản chung của bố mẹ. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ chấp nhận. Xét thấy, hai người có công sức bằng nhau, Tòa án sơ thẩm chia đôi mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản là đúng pháp luật.

Tòa án sơ thẩm đã tiến hành định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất này, thửa đất có chiều rộng là 3,0m, chiều dài 34,1m và tiếp giáp với đường liên xã

nên không chia đôi thửa đất theo yêu cầu của bà T là đúng, vì nếu chia đôi sẽ không đảm bảo giá trị sử dụng của thửa đất. Cấp sơ thẩm đã giao cho bà T được quản lý, sử dụng thửa đất trên nhưng bà T phải có nghĩa vụ trích trả chênh lệch tài sản cho ông L 743.712.000đ sau khi trích trả công nợ chung. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông L nêu ý kiến, yêu cầu của ông L là xin giao thửa đất số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, V, Y cho ông L quản lý, sử dụng để có chỗ ăn ở và thờ cúng tổ tiên sau này. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng của ông L cần chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa án sơ thẩm về nội dung này. Do vậy, kháng cáo của ông L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cho ông được quyền sử dụng đất thửa đất trên là được chấp nhận.

- Về công nợ: cấp sơ thẩm đã xác định nợ chung của vợ chồng gồm chị Nguyễn Thị L1 08 chỉ vàng 9999 và 2.000.000đ; chị Nguyễn Thị Lan A 13.417.000đ. Đối với các khoản nợ bà Mẫn Thị B 20.000.000đ; bà Đặng Thị L2 số tiền 75.000.000đ; ông Mẫn Hữu D số tiền 13.000.000đ là nợ riêng của bà T. Việc xác định công nợ trên của cấp sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ. Để thuận lợi cho việc trả nợ chung và riêng cần giao cho bà T trả toàn bộ số nợ trên nên bà T sẽ được khi trích chia tài sản chung bằng tiền nhiều hơn để trả nợ chung của vợ chồng.

- Về đất nông nghiệp: Hộ gia đình bà T, ông L được chia 432m^2 ở xứ Đồng Hàn; 360m^2 ở xứ Đồng Năng; 84m^2 ở xứ Đồng Sổ, thôn Mẫn Xá, xã Văn Môn, huyện Y, tổng diện tích là 876m^2 được chia cho 3,5 định suất gồm: Bà T, ông L mỗi người được chia 01 định suất = 240m^2; chị Lan Anh, chị Huệ, anh N mỗi người được chia 0,5 định suất = 120m^2. Hiện bà T đang quản lý toàn bộ diện tích đất nông nghiệp. Các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, cần chấp nhận chia theo định suất ruộng của mỗi người. Tòa án sơ thẩm quyết định giao cho chị Lan A, chị H, anh N được sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ 7, diện tích 360m^2 ở xứ Đồng Năng. Giao cho bà T, ông L được sử dụng thửa đất số 14, tờ bản đồ 6, diện tích 432m^2 tại xứ Đồng Hàn và thửa số 198, tờ bản đồ 3, diện tích 84m^2 tại xứ Đ, V, V, Y là phù hợp.

- *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản*: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

- *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Do hoàn cảnh bà T khó khăn và có đơn xin giảm án phí, ông L hiện đang cải tạo tại trại giam Ngọc Lý, Tòa án sơ thẩm giảm cho mỗi đương sự 40% tiền án phí chia tài sản là có căn cứ. Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại ông Nguyễn Văn L 300.000đ tiền tạm ứng án phúc thẩm tại biên lai số 0003935 ngày 13/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147, Điều 148; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa án sơ thẩm.

Căn cứ điều 59, 62, khoản 1, điều 131 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 3, Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ pháp lệnh số: 10/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Mẫn Thị T và ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thị Thanh Bình, sinh ngày 01/6/2005. Việc cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và công nợ: Xác định thửa đất số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 tại thôn Q, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh là tài sản chung của bà Mẫn Thị T và ông Nguyễn Văn L.

Giao cho ông Nguyễn Văn L được được quyền sử dụng thửa đất số 480, tờ bản đồ 05, diện tích 102m^2 phía Bắc giáp đường liên xã; phía Nam giáp đất ông Mẫn Ngọc A; phía Đông giáp đất chị Mẫn Thị Lý; phía Tây giáp đất ông Mẫn Ngọc A tại thôn Q, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, giá trị tài sản là 1.530.000.000đ. Ông Nguyễn Văn L

phải có nghĩa vụ trích trả chênh lệch tài sản và công nợ cho bà Mẫn Thị T số tiền 786.288.000đ.

Bà Mẫn Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị L1 08 chỉ vàng 9999 tương đương 27.160.000đ và 2.000.000đ, tổng là 29.160.000đ; chị Lan A số tiền 13.417.000đ; bà Mẫn Thị B 20.000.000đ, bà Đặng Thị L2 75.000.000đ, ông Mẫn Hữu D 13.000.000đ.

4. Về đất nông nghiệp: Giao cho chị Nguyễn Thị Lan A, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Quốc N mỗi người được sử dụng 120m^2 đất nông nghiệp tại thửa đất số 42, tờ bản đồ 7, diện tích 360m^2 ở xứ Đ, thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Giao cho bà Mẫn Thị T, ông Nguyễn Văn L mỗi người được sử dụng 258m^2 đất nông nghiệp tại thửa đất số 14, tờ bản đồ 6, diện tích 432m^2 tại xứ Đồng Hàn và thửa số 198, tờ bản đồ 3, diện tích 84m^2 tại xứ Đ, thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Bà T, ông L mỗi người phải chịu 2.600.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. (Xác nhận bà T đã nộp 5.200.000đ, ông L phải trả cho bà T 2.600.000đ).

6. Về án phí: Bà Mẫn Thị T phải chịu 200.000đ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm; 23.646.000đ án phí chia tài sản và 6.464.000đ án phí trả nợ.

(*Được trừ số tiền 3.950.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 03018, ngày 12/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y*). Bà T còn phải nộp tiếp 26.360.000đ tiền án phí.

Ông Nguyễn Văn L phải chịu 23.646.000đ án phí chia tài sản và 1.064.000đ án phí trả nợ.

Chị Nguyễn Thị Lan A, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Quốc N mỗi người phải chịu 2.634.000đ tiền án phí chia ruộng.

(*Xác nhận chị Lan A đã nộp 325.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số 03144, ngày 09/5/2016 của Chi cục Thi hành án huyện Y*), chị Lan A còn phải nộp tiếp 2.309.000đ tiền án phí.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L1 1.300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 03027, ngày 24/11/2015 của Chi cục Thi hành án huyện Y.

Hoàn trả cho bà Mẫn Thị B 500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 03032, ngày 02/12/2015 của Chi cục Thi hành án huyện Y.

Hoàn trả cho ông Mẫn Hữu D 325.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 03033, ngày 02/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị L2 1.875.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 03092, ngày 25/02/2016 của Chi cục Thi hành án huyện Y.

Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L không phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại ông Nguyễn Văn L 300.000đ tiền tạm ứng án phúc thẩm tại biên lai số 0003935 ngày 13/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Y;
- THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đắc Dũng